TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 3 - 2021
"*Về việc ly hôn, con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Khánh
Ông Võ Tấn Liêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021. Về việc "Ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Như Trúc A, sinh năm 1993 (Có mặt)
Địa chỉ: 389/7/16, tổ 86, khu 6, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Lợi Đông, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và các lời khai của nguyên đơn chị Phạm Như Trúc A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trúc A và anh V kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011 tại UBND phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương. Chị Trúc A và anh V sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau thường bất đồng quan điểm. Chị Trúc A và anh V ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay. Chị Trúc A xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Trúc A trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Như Thảo Vy, sinh ngày 24/7/2011. Hiện nay con đang sống chung với chị Trúc A. Sau khi ly hôn chị Trúc A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị Trúc A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trúc A trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Trúc A trình bày vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Thanh V, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh V biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 nhưng anh V không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh V để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh V không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Trúc A. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai anh V vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Thanh V có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Phạm Như Trúc A khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh V và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, con chung" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trúc A và anh V kết hôn ngày 30/6/2011 có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011 tại UBND phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị Trúc A và anh V không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay. Đối với anh V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh V vắng mặt không lý do, đồng thời anh V cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh V đồng ý với yêu cầu của chị Trúc A.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trúc A và anh V đã ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay thời gian dài nhưng anh V không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trúc A được ly hôn với anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trúc A trình bày vợ chồng chung sống 01 con chung tên là Nguyễn Như Thảo Vy, sinh ngày 24/7/2011. Hiện nay con đang sống chung với chị Trúc A. Sau khi ly hôn chị Trúc A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị Trúc A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Đối với anh V, Tòa án tống đạt thông báo hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh V không có mặt. Do đó, Tòa án không làm việc với anh V được về việc yêu cầu nuôi con. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 30/02/2021 cháu Nguyễn Như Thảo Vy có nguyện vọng được sống với chị Trúc A, hơn nữa cháu Thảo Vy đã sống chung với chị Trúc A từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần nên tiếp tục giao con cho chị Trúc A nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với anh V là cha của cháu Thảo Vy vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trúc A không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trúc A trình vợ chồng không có tài sản chung, anh V không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Trúc A trình vợ chồng không có không nợ chung, anh V không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trúc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Như Trúc A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Như Trúc A tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Như Thảo Vy, sinh ngày 24/7/2011. Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trúc A phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị Trúc A có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005942 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu. Anh V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Trúc A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh V được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Mỹ;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính